

Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh Nhà

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh Nhà

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 47

Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh Nhà

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh Nhà ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") Số 4103000250 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 12 năm 2000, và các Giấy CNĐKKD điều chỉnh. Công ty được hình thành từ việc cổ phần hóa Công ty Đầu tư - Kinh doanh Nhà, đơn vị thành viên trực thuộc Tổng Công ty Địa ốc Sài Gòn.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch ITC theo Quyết định Số 115/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 24 tháng 9 năm 2009.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là đầu tư kinh doanh địa ốc và cung cấp các dịch vụ có liên quan; cung cấp dịch vụ môi giới bất động sản, sàn giao dịch bất động sản và quản lý bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 18, Đường Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Mạnh	Chủ tịch	
Ông Trương Minh Thuận	Phó Chủ tịch	
Ông Võ Hữu Hải	Thành viên	
Ông Trần Hữu Khánh	Thành viên độc lập	
Bà Nguyễn Kim Hậu	Thành viên	
Bà Đặng Thị Ngọc Tuyền	Thành viên	miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2021

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phan Thị Hồng Liên	Trưởng ban
Ông Lê Quang Sơn	Thành viên
Bà Hồ Thị Lưu	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Minh Thuận	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Hữu Chí	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trương Minh Thuận.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh Nhà

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh Nhà ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Trương Minh Thuận
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2022

Số tham chiếu: 60792124/ 22629973-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh Nhà

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Nhà và công ty con ("Nhóm Công ty"), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 5 đến trang 47, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Dương Lê Anthony
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2223-2018-004-1



Tôn Thiện Bảo Ngọc
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 4177-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.266.842.737.280	2.383.434.661.020
110	I. Tiền	4	65.109.455.915	42.738.999.726
111	1. Tiền		65.109.455.915	42.738.999.726
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		454.475.440.817	488.838.269.137
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	132.944.678.821	119.374.257.165
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	184.866.062.478	223.098.384.626
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	33.400.000.000	46.400.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	106.351.280.976	100.763.353.391
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 8	(3.086.581.458)	(797.726.045)
140	III. Hàng tồn kho	9	1.738.095.492.365	1.837.833.975.936
141	1. Hàng tồn kho		1.751.989.950.338	1.853.185.322.637
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(13.894.457.973)	(15.351.346.701)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		9.162.348.183	14.023.416.221
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	2.052.005.084	8.615.253.640
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		7.110.343.099	5.408.162.581

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.992.930.773.985	2.028.756.986.792
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		12.073.000.000	14.027.346.202
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	14.734.060.000	16.688.406.202
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	8	(2.661.060.000)	(2.661.060.000)
220	II. Tài sản cố định		1.156.957.866.008	1.127.859.479.111
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	687.250.111.286	653.848.516.142
222	Nguyên giá		750.659.980.441	694.992.370.296
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(63.409.869.155)	(41.143.854.154)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	469.707.754.722	474.010.962.969
228	Nguyên giá		476.839.972.410	475.916.753.410
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(7.132.217.688)	(1.905.790.441)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	680.306.857.975	772.431.944.056
231	1. Nguyên giá		739.239.147.271	815.742.177.126
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(58.932.289.296)	(43.310.233.070)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		41.517.834.162	3.243.590.594
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	41.517.834.162	3.243.590.594
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	15	61.673.140.794	68.773.924.625
252	1. Đầu tư vào các công ty liên kết		18.106.640.794	18.282.424.625
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		42.566.500.000	58.916.500.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	(8.925.000.000)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.000.000.000	500.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		40.402.075.046	42.420.702.204
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	22.738.743.959	21.306.328.644
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31.3	17.663.331.087	21.114.373.560
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		4.259.773.511.265	4.412.191.647.812

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.188.292.013.024	2.468.812.767.449
310	I. Nợ ngắn hạn		1.837.983.765.513	1.999.010.945.318
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	135.213.868.606	118.596.835.583
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	403.262.715.983	603.605.182.687
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	48.803.995.667	67.899.988.019
314	4. Phải trả người lao động		6.550.392.186	5.750.585.234
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	351.282.696.410	364.327.675.478
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		246.105.172	130.550.303
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	333.034.076.482	286.029.889.246
320	8. Vay ngắn hạn	22	545.037.442.521	542.910.949.602
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		1.037.802.686	1.457.262.968
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	23	13.514.669.800	8.302.026.198
330	II. Nợ dài hạn		350.308.247.511	469.801.822.131
332	1. Người mua trả tiền trước dài hạn	18	149.015.465.569	149.015.465.569
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		5.462.272.538	5.462.272.538
337	3. Phải trả dài hạn khác	21	25.928.859.540	27.467.375.660
338	4. Vay dài hạn	22	167.511.523.500	285.423.047.000
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn		2.390.126.364	2.433.661.364
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.071.481.498.241	1.943.378.880.363
410	I. Vốn chủ sở hữu		2.071.481.498.241	1.943.378.880.363
411	1. Vốn cổ phần đã góp	24.1	876.544.270.000	797.262.940.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		876.544.270.000	797.262.940.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	24.1	748.683.126.824	748.683.126.824
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu	24.1	4.502.976.820	2.987.605.855
415	4. Cổ phiếu quỹ	24.1	(9.825.117.611)	(9.825.117.611)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển	24.1	84.094.655.341	75.506.408.855
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24.1	215.036.358.689	178.776.930.662
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		78.968.800.541	37.319.420.245
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm này		136.067.558.148	141.457.510.417
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	24.5	152.445.228.178	149.986.985.778
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4.259.773.511.265	4.412.191.647.812

Phạm Văn Khanh
Người lập

Đoàn Hữu Chí
Kế toán trưởng

CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ - KINH DOANH
NHÀ
TRƯỜNG MINH THUẬN
TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày 29 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	723.956.465.138	925.847.655.485
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		(5.916.972.600)	(4.314.570.952)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	718.039.492.538	921.533.084.533
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26, 30	(450.591.146.928)	(622.193.721.740)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		267.448.345.610	299.339.362.793
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	1.850.426.530	2.702.019.238
22	7. Chi phí tài chính	27	(48.737.062.974)	(30.733.928.138)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(57.654.903.394)	(30.731.038.758)
24	8. Phần lỗ trong công ty liên kết	15.1	(175.783.831)	(142.274.673)
25	9. Chi phí bán hàng	28, 30	(9.386.899.219)	(16.840.573.165)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28, 30	(68.858.090.408)	(39.279.769.857)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		142.140.935.708	215.044.836.198
31	12. Thu nhập khác	29	37.485.069.346	16.838.719.831
32	13. Chi phí khác	29	(3.439.103.986)	(52.136.942.195)
40	14. Lợi nhuận (lỗ) khác	29	34.045.965.360	(35.298.222.364)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		176.186.901.068	179.746.613.834
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	(34.210.058.047)	(46.150.837.158)
52	17. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	31.3	(3.451.042.473)	2.569.674.197
60	18. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		138.525.800.548	136.165.450.873
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		136.067.558.148	141.457.510.417
62	20. Lãi (lỗ) thuần sau thuế của cổ đông không kiểm soát	24.5	2.458.242.400	(5.292.059.544)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24.4	1.476	1.537
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	24.4	1.476	1.537

Phạm Văn Khanh
Người lập

Đoàn Hữu Chí
Kế toán trưởng

Trương Minh Thuận
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		176.186.901.068	179.746.613.834
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định và bất động sản đầu tư	11, 12, 13	43.114.498.474	28.598.995.411
03	Các khoản hoàn nhập dự phòng		(8.556.028.597)	(16.863.986.722)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		175.783.831	(2.446.120.238)
05	Thu nhập lãi cho vay		(1.824.608.297)	-
06	Chi phí lãi vay	27	57.654.903.394	30.731.038.758
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		266.751.449.873	219.766.541.043
09	Tăng các khoản phải thu		22.761.810.099	(66.389.985.833)
10	Tăng (giảm) tăng hàng tồn kho		163.756.183.646	225.961.714.392
11	Tăng các khoản phải trả		(135.149.513.616)	(211.564.805.844)
12	Tăng chi phí trả trước		5.130.833.241	(7.864.255.111)
14	Tiền lãi vay đã trả		(104.853.401.276)	(53.799.243.342)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(41.270.114.340)	(14.806.321.840)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	23	(2.162.619.500)	(1.771.281.600)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		174.964.628.127	89.532.361.865
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(67.404.085.309)	(70.879.921.439)
23	Tiền chi mua trái phiếu		(500.000.000)	-
24	Tiền thu từ cho vay		13.000.000.000	2.500.000.000
26	Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác		-	188.820.000
27	Tiền lãi và cổ tức nhận được		1.824.608.297	2.988.394.911
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(53.079.477.012)	(65.202.706.528)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	22	321.938.068.863	386.201.916.881
34	Tiền trả nợ gốc vay	22	(421.373.099.444)	(384.232.962.788)
36	Tiền trả cổ tức	24.2	(79.664.345)	(34.202.560.650)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(99.514.694.926)	(32.233.606.557)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		22.370.456.189	(7.903.951.220)
60	Tiền đầu năm		42.738.999.726	50.642.950.946
70	Tiền cuối năm	4	65.109.455.915	42.738.999.726



Phạm Văn Khanh
Người lập



Đoàn Hữu Chí
Kế toán trưởng



Trương Minh Thuận
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh Nhà ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("CNĐKKD") số 4103000250 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 12 năm 2000, và các Giấy CNĐKKD điều chỉnh. Công ty được hình thành từ việc cổ phần hóa Công ty Đầu tư - Kinh doanh Nhà, đơn vị thành viên trực thuộc Tổng Công ty Địa ốc Sài Gòn.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch ITC theo Quyết định số 115/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 24 tháng 9 năm 2009.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là đầu tư kinh doanh địa ốc và các dịch vụ có liên quan; cung cấp dịch vụ môi giới bất động sản, định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản và quản lý bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 18, Đường Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có ba công ty con đã được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty:

▶ Công ty Cổ phần Xây dựng Intresco

Công ty Cổ phần Xây dựng Intresco ("IC") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") Số 0310626100 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 2 năm 2011 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của IC tại Số 20 Đường Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm hiện tại của IC là cung cấp dịch vụ xây dựng dân dụng và công nghiệp; đầu tư và xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư và các dịch vụ xây dựng khác có liên quan. Tại Ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty nắm giữ 85% phần vốn chủ sở hữu và 85% quyền biểu quyết trong IC (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 85%).

▶ Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Nhà Hàng Khách sạn Royal

Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Nhà Hàng Khách sạn Royal ("Royal") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") Số 0315419806 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 12 năm 2018 và các GCNĐKDN điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của Royal tại Số 83 Đường Lý Chính Thắng, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm hiện tại của Royal là cung cấp dịch vụ quản lý nhà hàng, khách sạn, và tổ chức du lịch. Tại Ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty nắm giữ 75% phần vốn chủ sở hữu và 75% quyền biểu quyết trong Royal (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 0%).

▶ Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Bình Dương

Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Bình Dương ("SGBD") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN Số 3701647922, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 24 tháng 11 năm 2009 và các GCNĐKDN điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của SGBD tại Số 179 Đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Tương Bình Hiệp, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm hiện tại của SGBD là sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, kinh doanh bất động sản và các dịch vụ khác có liên quan. Tại Ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty nắm giữ 64,32% phần vốn chủ sở hữu và 64,32% quyền biểu quyết trong SGBD (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 64,32%).

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 487 người (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 358 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho – hàng hóa bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- ▶ Chi phí mua đất, tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất có thể xảy ra đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi Công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu hao do thời gian sử dụng là lâu dài, ngoài trừ quyền sử dụng đất tại số 81A-B, 83 và 103 đường Lý Chính Thắng, số 278A và 280 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3 được khấu hao với thời hạn 50 năm từ ngày 08 tháng 10 năm 2016 đến ngày 8 tháng 10 năm 2066.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	13 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	7 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm

Theo định kỳ, thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định và tỷ lệ khấu hao được xem xét lại nhằm đảm bảo rằng phương pháp và thời gian trích khấu hao nhất quán với lợi ích kinh tế dự kiến sẽ thu được từ việc sử dụng tài sản cố định.

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Nhóm Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Đất và nhà	25 - 50 năm
------------	-------------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Bất động sản đầu tư* (tiếp theo)

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoản thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Trích lập trợ cấp thôi việc

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được đo lường bằng giá thị trường của các khoản phải thu, loại trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán bất động sản

Một bất động sản được xem như là đã bán khi các rủi ro trọng yếu và việc hoàn trả chuyển sang cho người mua, thường là trùng với chuyển giao vô điều kiện của các hợp đồng. Đối với trường hợp có điều kiện trao đổi, doanh thu chỉ được ghi nhận khi các điều kiện trọng yếu được thỏa mãn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản tăng giảm khối lượng xây lắp khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế :

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.18 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Nhóm công ty là đầu tư kinh doanh địa ốc và cung cấp các dịch vụ có liên quan; cung cấp dịch vụ môi giới bất động sản, sàn giao dịch bất động sản và quản lý bất động sản. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Nhóm công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về loại hình kinh doanh mà Nhóm công ty kinh doanh hoặc do Nhóm công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Nhóm công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.144.218.447	707.693.331
Tiền gửi ngân hàng	63.965.237.468	42.031.306.395
TỔNG CỘNG	65.109.455.915	42.738.999.726

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng khác	128.843.447.778	115.273.026.122
<i>Khách hàng Dự án Long Thới (*)</i>	59.541.543.808	59.730.631.277
<i>Khách hàng Dự án Terra Royal</i>	47.937.913.160	34.248.020.462
<i>Công ty TNHH Xây Dựng Nam Hải</i>	7.319.414.000	7.319.414.000
<i>Khách hàng Dự án 6B</i>	3.687.556.972	9.112.538.015
<i>Phải thu từ khách hàng khác</i>	10.357.019.838	4.862.422.368
Phải thu từ bên liên quan <i>(Thuyết minh số 32)</i>	4.101.231.043	4.101.231.043
TỔNG CỘNG	132.944.678.821	119.374.257.165
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(733.384.000)	(733.384.000)
GIA TRỊ THUẬN	132.211.294.821	118.640.873.165

(*) Nợ phải thu từ hợp đồng bán đất nền dự án Long Thới - Nhà Bè đã được dùng để thế chấp cho khoản vay tại ngân hàng thương mại (*Thuyết minh số 22*).

Chi tiết phải thu khách hàng được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ bán đất nền và căn hộ (*)	116.912.342.960	108.064.877.371
Phải thu từ dịch vụ cho thuê	7.550.182.189	3.119.155.294
Phải thu từ cung cấp dịch vụ xây dựng	7.748.769.672	7.456.840.500
Phải thu từ hoạt động khác	733.384.000	733.384.000
TỔNG CỘNG	132.944.678.821	119.374.257.165

(*) Phải thu từ bán đất nền và căn hộ chủ yếu bao gồm các khoản phải thu (i) 5%-10% số tiền còn lại trong khi chờ thủ tục pháp lý về chuyển quyền sở hữu đất và nhà hoặc (ii) giá trị còn lại trên tổng giá trị hợp đồng mua bán. Các khoản phải thu chi tiết theo dự án như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án The Stars Village, Long Thới - Nhà Bè (i)	59.541.543.808	59.730.631.277
Dự án Terra Royal (i)	44.842.480.520	34.248.020.462
Dự án 6B (ii)	7.526.488.015	8.850.238.015
Dự án 6B (i)	262.300.000	262.300.000
Cao ốc Thịnh Vương (i)	1.742.753.000	1.742.753.000
Dự án Phong Phú (i)	1.687.660.000	1.687.660.000
Cao ốc An Khang (i)	1.309.117.617	1.543.274.617
TỔNG CỘNG	116.912.342.960	108.064.877.371

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Trả trước cho người bán ngắn hạn là các khoản ứng trước không tính lãi cho các nhà thầu liên quan đến các dự án phát triển bất động sản như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên thứ ba	138.171.166.728	176.191.531.540
<i>RGB (Macau) Limited</i>	35.890.645.363	34.204.282.958
<i>Interblock Asia Pacific Pty., Limited</i>	31.229.303.920	30.331.861.863
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng Khang Phát</i>	19.378.630.000	19.378.630.000
<i>Công ty TNHH Sài Gòn Viễn Đông</i>	12.927.603.431	12.927.603.431
<i>Công Ty TNHH Thương mại Kỹ thuật điện Hoàng Trang</i>	-	10.334.500.000
<i>Các nhà cung cấp khác</i>	38.744.984.014	69.014.653.288
Bên liên quan (<i>Thuyết minh số 32</i>)	46.694.895.750	46.906.853.086
TỔNG CỘNG	184.866.062.478	223.098.384.626

7. PHẢI THU VÈ CHO VAY NGẮN HẠN

Đối tượng	Số cuối năm	Ngày đáo hạn	Lãi suất	VND
				Hình thức đảm bảo
	VND		%/năm	
Bà Trương Thị Minh Nguyệt (<i>Thuyết minh số 32</i>)	33.400.000.000	Ngày 21 tháng 5 năm 2022	4	Bảo lãnh bởi Tổng Giám Đốc

8. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	106.351.280.976	100.763.353.391
Các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 32</i>)	61.384.433.843	62.107.030.140
Ứng trước cho nhân viên Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Thái Dương	14.467.965.805	11.449.038.000
Dự phòng thuế thu nhập doanh nghiệp liên quan đến các khoản thu tiền theo tiến độ Khác	12.205.585.534	12.205.585.534
	10.262.623.375	6.043.458.394
	8.030.672.419	8.958.241.323
Dài hạn	14.734.060.000	16.688.406.202
Công ty TNHH Thương Mại và Xây Dựng Ngọc Phúc	12.073.000.000	14.027.346.202
Công ty Cổ phần Hoàng Hải - Dự án Bà Điểm, Hóc Môn	2.661.060.000	2.661.060.000
TỔNG CỘNG	121.085.340.976	117.451.759.593
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.353.197.458)	(64.342.045)
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(2.661.060.000)	(2.661.060.000)

Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh Nhà

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. HÁNG TỒN KHO

Hàng tồn kho thể hiện chi phí đầu tư xây dựng dở dang cho các dự án bất động sản đang triển khai như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm		Dự phòng	VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Dự án The Stars Village, Long Thới - Nhà Bè (i)	516.353.301.151	-	530.799.613.894	-	-	-
Dự án Khu nhà ở thương mại, dịch vụ Sabinco - Tương Bình Hiệp (ii)	487.478.211.704	-	408.977.488.809	-	-	-
Dự án Terra Flora	210.149.632.894	-	182.605.157.055	-	-	-
Dự án Terra Royal (iii)	176.373.647.543	-	332.211.055.022	-	-	-
Dự án 6A	132.220.634.925	-	132.318.634.924	-	-	-
Dự án Long Phước, Thành phố Thủ Đức (iv)	77.610.985.569	-	116.114.797.661	-	-	-
Lô 5, 6, 7 & 8 - Dự án 6B	68.556.824.108	-	54.350.043.979	-	-	-
Dự án Cửa Lấp - Bà Rịa	40.443.325.331	-	34.989.201.673	-	-	-
Dự án Bình Trưng Đông - Thành phố Thủ Đức	12.735.621.599	-	28.848.790.056	-	-	-
Các dự án khác	30.067.765.514	(13.894.457.973)	31.970.539.564	(15.351.346.701)	-	-
TỔNG CỘNG	1.751.989.950.338	(13.894.457.973)	1.853.185.322.637	(15.351.346.701)		

(i) Quyền sử dụng 40.637 m² đất tại Dự án The Stars Village, Long Thới - Nhà Bè đã được dùng để thế chấp cho khoản vay tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 22).

(ii) Quyền sử dụng đất và các quyền, lợi ích phát sinh trong tương lai từ Dự án Khu nhà ở thương mại, dịch vụ Sabinco - Tương Bình Hiệp, phường Tương Bình Hiệp, Thành phố Thủ Đức đã được dùng để thế chấp cho khoản vay tại ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 22).

(iii) Quyền sử dụng đất của dự án Terra Royal, Đường Lý Chính Thắng, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh đã được dùng để thế chấp cho khoản vay tại ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 22).

(iv) Quyền sử dụng 10.473 m² đất tại Dự án Long Phước, Thành phố Thủ Đức đã được dùng để thế chấp cho khoản vay tại ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 22).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn	2.052.005.084	8.615.253.640
Chi phí hoa hồng môi giới	1.342.732.720	7.365.495.600
Khác	709.272.364	1.249.758.040
Dài hạn	22.738.743.959	21.306.328.644
Công cụ, dụng cụ	18.413.773.292	15.923.891.963
Chi phí trang trí	4.126.419.770	5.276.988.242
Khác	198.550.897	105.448.439
TỔNG CỘNG	<u>24.790.749.043</u>	<u>29.921.582.284</u>

Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh Nhà

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND
Nguyên giá:					
Số đầu năm	638.223.402.501	42.572.727.723	5.657.467.366	8.538.772.706	694.992.370.296
Mua trong năm	3.758.909.386	1.221.813.413	5.533.749.091	816.522.186	11.330.994.076
Điều chỉnh giảm do quyết toán giá trị đầu tư	44.336.616.069	-	-	-	44.336.616.069
Số cuối năm	686.318.927.956	43.794.541.136	11.191.216.457	9.355.294.892	750.659.980.441
Trong đó:					
Đã khấu hao lũy kế:	4.280.813.180	5.647.970.448	5.745.373.679	1.400.394.544	17.074.551.851
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	21.907.931.194	11.731.212.660	5.657.467.366	1.847.242.934	41.143.854.154
Khấu hao trong năm	16.288.044.945	4.442.264.528	778.969.429	756.736.099	22.266.015.001
Số cuối năm	38.195.976.139	16.173.477.188	6.436.436.795	2.603.979.033	63.409.869.155
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	616.315.471.307	30.841.515.063	-	6.691.529.772	653.848.516.142
Số cuối năm	648.122.951.817	27.621.063.948	4.754.779.662	6.751.315.859	687.250.111.286

Tài sản và lợi ích từ Khách sạn Lavela Saigon tại dự án Terra Royal, Thành phố Hồ Chí Minh, đã được thế chấp cho các khoản vay từ các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 22)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất (*)</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	475.211.073.410	705.680.000	475.916.753.410
Tăng trong năm	-	923.219.000	923.219.000
Số cuối năm	475.211.073.410	1.628.899.000	476.839.972.410
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	1.764.726.459	141.063.982	1.905.790.441
Hao mòn trong năm	4.995.598.280	230.828.967	5.226.427.247
Số cuối năm	6.760.324.739	371.892.949	7.132.217.688
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	473.446.346.951	564.616.018	474.010.962.969
Số cuối năm	468.450.748.671	1.257.006.051	469.707.754.722

(*) Quyền sử dụng đất tại Số 106, Đường Lý Chính Thắng, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; Số 16, Đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và Số 20, Đường Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị ghi sổ lần lượt là 205.435.476.570 VND; 26.471.477.820 VND và 11.101.600.430 VND đã được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 22).

Quyền sử dụng đất tại Khách sạn Lavela Saigon tại dự án Terra Royal, Thành phố Hồ Chí Minh, đã được thế chấp cho các khoản vay từ các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 22).

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	VND
	<i>Đất và nhà (*)</i>
Nguyên giá:	
Số đầu năm	815.742.177.126
Điều chỉnh giảm do quyết toán giá trị đầu tư	(76.503.029.855)
Số cuối năm	739.239.147.271
Giá trị khấu hao lũy kế:	
Số đầu năm	43.310.233.070
Khấu hao trong năm	15.622.056.226
Số cuối năm	58.932.289.296
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	772.431.944.056
Số cuối năm	680.306.857.975

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2021. Tuy nhiên, dựa vào giá thị trường và tình hình tỷ lệ cho thuê hiện tại, Ban Giám đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư vẫn lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

(*) Bao gồm trong đất và nhà, quyền sử dụng đất và tài sản của các mặt bằng thuộc Cao ốc An Khang, Phường An Phú An Khánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã được thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 22).

Quyền sử dụng đất tổng diện tích 482,4 m² và tài sản gắn liền với đất tại Số 531 Nguyễn Duy Trinh, Phường Bình Trưng Đông, Thành phố Thủ Đức đã được dùng để thế chấp cho khoản vay tại ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 22).

Quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trong tương lai và quyền khai thác các lợi ích phát sinh từ Khu thương mại và Khách sạn La Vela Saigon thuộc Dự án Terra Royal, Thành phố Hồ Chí Minh đã được dùng để thế chấp cho khoản vay tại ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 22).

Doanh thu và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thu nhập cho thuê bất động sản đầu tư (Thuyết minh số 25.1)	29.567.532.014	27.801.701.185
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm (Thuyết minh số 26)	(15.622.056.226)	(18.038.549.081)
Giá trị thuần	13.945.475.788	9.763.152.104

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thiết bị phục vụ khu vực kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng	20.367.179.692	1.571.985.668
Nội thất khu vực kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng	15.289.026.660	-
Tòa nhà số 20 Nguyễn Bình Khiêm, Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	5.861.627.810	-
Chi phí khác	-	1.671.604.926
TỔNG CỘNG	41.517.834.162	3.243.590.594

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 15.1)	18.106.640.794	18.282.424.625
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (Thuyết minh số 15.2)	42.566.500.000	58.916.500.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (*)	1.000.000.000	500.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (Thuyết minh số 15.2)	-	(8.925.000.000)
TỔNG CỘNG	61.673.140.794	68.773.924.625

(*) Đây là khoản đầu tư vào 1.000 trái phiếu do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam phát hành, đến hạn vào ngày 24 tháng 9 năm 2026 và hưởng lãi suất 8,1%/năm.

15.1 Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm và số đầu năm	
	Tỷ lệ vốn nắm giữ %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %
Công ty Cổ phần Sản xuất – Thương mại – Xây dựng Long Bình ("LB")	36,36	36,36

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này như sau:

	VND LB
Giá trị đầu tư:	
Số đầu năm và số cuối năm	21.000.000.000
Phần lỗ lũy kế sau khi đầu tư vào công ty liên kết:	
Số đầu năm	(2.717.575.375)
Lỗ chia về từ công ty liên kết	(175.783.831)
Số cuối năm	(2.893.359.206)
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	18.282.424.625
Số cuối năm	18.106.640.794

Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh Nhà

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.2 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

	Số cuối năm				Số đầu năm				
	Giá trị gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị thuần VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá trị gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị thuần VND	Tỷ lệ sở hữu %	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định	34,000,000,000	-	34,000,000,000	5.31	34,000,000,000	(8,925,000,000)	25,075,000,000	2,125,000	5.31
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Bắc Trung Nam	5,466,500,000	-	5,466,500,000	10.93	5,466,500,000	-	5,466,500,000	54,665	10.93
Công ty Cổ phần Sài Gòn Mangđen Công ty TNHH Đầu tư Dự án Đại Phú Lộc	3,100,000,000	-	3,100,000,000	1.61	3,100,000,000	-	3,100,000,000	310,000	1.61
					16,350,000,000	-	16,350,000,000	-	5,00
TỔNG CỘNG	42,566,500,000	-	42,566,500,000		58,916,500,000	(8,925,000,000)	49,991,500,000		

Giá trị hợp lý các khoản đầu tư này chưa xác định được tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 do chưa thu thập được đầy đủ thông tin thị trường. Tuy nhiên, dựa vào tình hình hoạt động hiện tại của các công ty này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý lớn hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này tại ngày báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. CHI PHÍ ĐI VAY

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn hóa vào giá trị dự án bất động sản	62.560.811.347	44.228.059.709
Chi phí lãi vay trong năm (Thuyết minh số 27)	57.654.903.394	30.731.038.758
TỔNG CỘNG	120.215.714.741	74.959.098.467

17. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho các đối tượng khác	135.213.868.606	117.036.181.038
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Phú		
Phú Sương	15.673.597.840	15.673.597.840
Cty TNHH Một thành viên Dịch vụ và		
Thương mại Ấn Long	17.480.893.300	-
Công ty TNHH Thương mại Kỹ Thuật		
Điện Nguyễn Khang	13.748.118.410	15.078.506.665
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Phú		
Phú Bảo	12.935.380.328	10.926.455.574
Các nhà cung cấp khác	75.375.878.728	75.357.620.959
Phải trả cho bên liên quan		
Thuyết minh số 32)	-	1.560.654.545
TỔNG CỘNG	135.213.868.606	118.596.835.583

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

Người mua trả tiền trước thể hiện các khoản ứng trước của khách hàng mua căn hộ và đất nền các dự án của Nhóm Công ty như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	403.262.715.983	603.605.182.687
Dự án Terra Royal	229.687.807.137	536.334.791.293
Dự án Long Phước	88.250.000.000	-
Dự án The Stars Village, Long Thới - Nhà Bè	35.872.371.924	21.605.674.657
Dự án Terra Flora	18.247.832.946	13.967.782.728
Lô 6 & 8 - Dự án 6B	10.257.378.600	17.696.668.400
Các dự án khác	20.947.325.376	14.000.265.609
Dài hạn	149.015.465.569	149.015.465.569
Dự án 6A	109.530.829.000	109.530.829.000
Lô 6 & 8 - Dự án 6B	24.488.018.700	24.488.018.700
Dự án Bình Trưng Đông,		
Thành phố Thủ Đức	8.601.378.000	8.601.378.000
Các dự án khác	6.395.239.869	6.395.239.869
TỔNG CỘNG	552.278.181.552	752.620.648.256
Trong đó:		
Các bên khác	457.815.181.552	658.157.648.256
Các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	94.463.000.000	94.463.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	40.980.860.735	34.210.058.047	(41.270.114.340)	33.920.804.442
Thuế giá trị gia tăng	23.878.362.926	16.088.791.686	(28.080.309.850)	11.886.844.762
Thuế thu nhập cá nhân	1.205.899.145	4.857.288.036	(4.282.594.918)	1.780.592.263
Thuế khác	1.834.865.213	291.696.043	(910.807.056)	1.215.754.200
TỔNG CỘNG	67.899.988.019	55.447.833.812	(74.543.826.164)	48.803.995.667

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí xây dựng	273.093.665.263	301.980.115.542
Phạt chậm thanh toán	37.393.371.151	37.029.639.910
Chi phí lãi vay	21.439.968.385	18.626.354.850
Chi phí lãi đặt cọc dự án Sabinco	17.343.805.150	4.795.105.220
Khác	2.011.886.461	1.896.459.956
TỔNG CỘNG	351.282.696.410	364.327.675.478
Trong đó:		
Các bên khác	350.535.056.585	363.263.852.808
Các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	747.639.825	1.063.822.670

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	333.034.076.482	286.029.889.246
Nhận đặt cọc và góp vốn cho Hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	174.051.657.744	127.220.500.000
Nhận đặt cọc cho tiền đất từ Dự án Sabinco (**)	114.286.061.000	117.595.661.000
Kinh phí bảo trì Dự án Terra Royal	30.416.134.438	26.145.415.000
Nhận đặt cọc	4.153.788.000	5.113.788.000
Cổ tức phải trả	5.028.264.763	3.607.929.108
Khác	5.098.170.537	6.346.596.138
Dài hạn	25.928.859.540	27.467.375.660
Nhận đặt cọc	25.928.859.540	27.467.375.660
TỔNG CỘNG	358.962.936.022	313.497.264.906

- (*) Đây là số tiền nhận đặt cọc cho hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 30 tháng 11 năm 2019 với Công ty TNHH Charlione Việt Nam ("Charlione") với số tiền là 174.051.657.744 VND để hợp tác vận hành kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài ở Khách sạn La Vela Saigon. Lợi nhuận sau thuế từ việc kinh doanh sẽ được phân chia cho Công ty và Charlione theo tỷ lệ tương ứng là 25% và 75% và lợi nhuận phân chia cho Công ty không thấp hơn số tiền đảm bảo hàng tháng là 40.000 USD.
- (**) Trong các khoản đặt cọc tiền đất của Dự án Sabinco, Công ty Cổ phần Địa Ốc Chợ Lớn ("Địa Ốc Chợ Lớn") đặt cọc số tiền là 98.270.861.000 VND, theo hợp đồng đặt cọc số 04/HĐĐC/SGBD ngày 27 tháng 7 năm 2020, để mua 46 căn nhà phố của Dự án Sabinco. Do Địa Ốc Chợ Lớn có quyền không mua và nhận lại tiền đặt cọc cùng với tiền lãi tương ứng theo lãi suất 13%/năm, Nhóm Công ty thận trọng trích lãi phải trả trên khoản đặt cọc này (Thuyết minh số 20).

Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh Nhà

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY

	Số đầu năm	Nhận tiền vay	Trả tiền vay	Phân loại lại	Số cuối năm
					VND
Vay ngắn hạn	542.910.949.602	292.388.068.863	(421.373.099.444)	131.111.523.500	545.037.442.521
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 22.1)	246.378.869.881	274.388.068.863	(154.891.019.723)	-	365.875.919.021
Vay dài hạn đến hạn phải trả (Thuyết minh số 22.2)	232.982.079.721	-	(252.982.079.721)	147.461.523.500	127.461.523.500
Vay cá nhân (Thuyết minh số 22.3)	16.350.000.000	8.000.000.000	-	(16.350.000.000)	8.000.000.000
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 22.4 và 32)	47.200.000.000	10.000.000.000	(13.500.000.000)	-	43.700.000.000
Vay dài hạn	285.423.047.000	29.550.000.000	-	(147.461.523.500)	167.511.523.500
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 22.2)	285.423.047.000	29.550.000.000	-	(147.461.523.500)	167.511.523.500
TỔNG CỘNG	828.333.996.602	321.938.068.863	(421.373.099.444)	(16.350.000.000)	712.548.966.021

Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh Nhà

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY (tiếp theo)

22.1 Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh					
Hợp đồng vay số: 12928/21MN/HDTD ngày 08 tháng 4 năm 2021	148.228.957.383	Ngày 8 tháng 4 năm 2022	Phát triển dự án bất động sản Terra Royal	11,4	<ul style="list-style-type: none"> Nợ phải thu từ hợp đồng bán đất nền dự án Long Thới - Nhà Bè (Thuyết minh số 5) Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Số 106, Đường Lý Chính Thắng, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (Thuyết minh số 12) Quyền sử dụng đất, tài sản và lợi ích từ dự án Terra Royal (Thuyết minh số 9, 12 và 13) 18.750.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh Nhà (thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Thiết kế Kiến Trúc Tương Lai)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam					
Hợp đồng vay số 01/2019/93512/HDTD ngày 28 tháng 1 năm 2019	114.384.414.232	Từ ngày 25 tháng 1 đến ngày 25 tháng 12 năm sân và tài trợ cho 2022	Phát triển dự án bất động sản và tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động	10	<ul style="list-style-type: none"> Quyền sử dụng đất tổng diện tích 10.473 m² tại Phường Long Phước, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (Thuyết minh số 9) Quyền sử dụng đất và các tài sản của các mặt bằng thuộc Cao ốc An Khang, Phường An Phú An Khánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (Thuyết minh số 13) Quyền sử dụng đất tổng diện tích 24.673 m² tại Long Thới - Nhơn Đức - Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh (Thuyết minh số 9)
Hợp đồng vay số 01/2021/93512/HDTD ngày 25 tháng 11 năm 2021	3.604.170.732	Từ ngày 20 tháng 11 đến ngày 14 tháng 12 năm 2022	Tài trợ vốn hoạt động	10	

Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh Nhà

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY (tiếp theo)

22.1 Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Bên cho vay	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (tiếp theo)					
Hợp đồng vay số 02/2021/11884944 /HDTD ngày 21 tháng 9 năm 2021	1.616.696.057	Ngày 22 tháng 9 năm 2022	Tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động	8,5	<ul style="list-style-type: none"> Nhà đất tại địa chỉ số 213 và 215, đường 9A, KDC Trung Sơn, ấp 4B, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh Nhà đất tại địa chỉ số 76 Lê Văn Sỹ, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh
Ngân hàng Bưu điện Liên Việt	50.726.011.095	Từ ngày 24 tháng 8 đến ngày 22 tháng 9 năm 2022	Phát triển dự án bất động sản và tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động	9,4	<ul style="list-style-type: none"> Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại đất tại Số 16 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (Thuyết minh số 12) Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Khôi A và B, Cao ốc An Khang, Phường An Phú An Khánh, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (Thuyết minh số 13)

Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh Nhà

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY (tiếp theo)

22.1 Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Bên cho vay	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VND			%/năm	
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam					
Hợp đồng số 6220-LAV-202100021/HĐTD ngày 29 tháng 1 năm 2021	24.770.738.067	Ngày 19 tháng 1 năm 2022	Tài trợ vốn lưu động	7,65 – 8,5	<ul style="list-style-type: none"> Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Số 20, Đường Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (Thuyết minh số 12) Quyền sử dụng đất tổng diện tích 482.4 m² và tài sản gắn liền với đất tại Số 531, Đường Nguyễn Duy Trinh, Phường Bình Trưng Đông, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (Thuyết minh số 13)
Hợp đồng vay số 6360-LAV-202100556 ngày 22 tháng 12 năm 2021	22.544.931.455	Ngày 22 tháng 12 năm 2022	Phát triển dự án bất động sản và tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động	8,5	<ul style="list-style-type: none"> Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 86, tờ bản đồ số 64 tại địa chỉ xã Nhơn Đức, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh (Thuyết minh số 9) Tầng thương mại và dịch vụ (Tầng 1) tại Lô 0.03 và Lô 0.04 Cao ốc Thịnh Vương, số 531 Nguyễn Duy Trinh, Phường Bình Trưng Đông, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh (Thuyết minh số 13) Quyền sử dụng tại thửa đất số 347, 355 tờ bản đồ số 76 và thửa đất số 442, 444 tờ bản đồ số 64 Ấp 4, xã Nhơn Đức, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh (Thuyết minh số 9)
TỔNG CỘNG	365.875.919.021				

Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh Nhà

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22.	VAY (tiếp theo)				
22.2	Chi tiết các khoản vay ngân hàng dài hạn như sau:				
	Bên cho vay	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất %/năm
	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh				
	Hợp đồng vay số 15893/20MN/HDTD ngày 20 tháng 7 năm 2020	254.973.047.000	Từ ngày 24 tháng 1 đến ngày 24 tháng 7 năm 2023	Phát triển dự án Sabinco	12
					<ul style="list-style-type: none"> • 19.296.000 cổ phần của Sabinco sở hữu bởi Công ty • Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất dự án Sabinco - Tương Bình Hiệp
	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam				
	Hợp đồng vay số 01/2020/118849 44/HDTD ngày 22 tháng 9 năm 2020	40.000.000.000	Ngày 22 tháng 9 năm 2022	Tài trợ vốn hoạt động	10
					<ul style="list-style-type: none"> • Nhà đất tại Số 213 và Số 215, đường 9A, Khu dân cư Trung Sơn, Xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (Tài sản riêng của Tổng Giám đốc bảo lãnh cho khoản vay của Công ty) • Nhà đất tại số 76 đường Lê Văn Sỹ, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh (Tài sản riêng của Tổng Giám đốc bảo lãnh cho khoản vay của Công ty)

TỔNG CỘNG 294.973.047.000

Trong đó:

Vay dài hạn đến

hạn trả

Vay dài hạn

127.461.523.500

167.511.523.500

Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh Nhà

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY (tiếp theo)

22.3 Vay cá nhân

Bên cho vay	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Bà Nguyễn Thị Thanh Hợp đồng vay số 24/2021/HĐVV ngày 5 tháng 1 năm 2021	8.000.000.000	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Bổ sung vốn lưu động	10	Tin chấp

22.4 Vay bên liên quan

Bên cho vay	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Bà Lê Thị Trâm Anh (Thuyết minh số 32) Hợp đồng vay số 1080/ĐTKDN ngày 10 tháng 10 năm 2019	43.700.000.000	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	Bổ sung vốn lưu động	5,4	Tin chấp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. QUỸ KHEN THƯỞNG. PHÚC LỢI

	<i>Năm nay</i>	<i>VND</i> <i>Năm trước</i>
Số đầu năm	8.302.026.198	7.738.859.288
Trích lập quỹ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm nay	7.375.263.102	2.334.448.510
Sử dụng trong năm	<u>(2.162.619.500)</u>	<u>(1.771.281.600)</u>
Số cuối năm	<u>13.514.669.800</u>	<u>8.302.026.198</u>

Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh Nhà

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước							
Số đầu năm	690.866.880.000	748.683.126.824	(9.825.117.611)	70.014.060.401	2.987.605.855	152.669.939.205	1.655.396.494.674
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	106.396.060.000	-	-	-	-	(106.396.060.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	141.457.510.417	141.457.510.417
Trích lập quỹ	-	-	-	5.492.348.454	-	(7.826.796.964)	(2.334.448.510)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(1.127.661.996)	(1.127.661.996)
Số cuối năm	797.262.940.000	748.683.126.824	(9.825.117.611)	75.506.408.855	2.987.605.855	178.776.930.662	1.793.391.894.585
Năm nay							
Số đầu năm	797.262.940.000	748.683.126.824	(9.825.117.611)	75.506.408.855	2.987.605.855	178.776.930.662	1.793.391.894.585
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (*)	79.281.330.000	-	-	-	-	(80.781.330.000)	(1.500.000.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	136.067.558.148	136.067.558.148
Trích lập quỹ	-	-	-	8.588.246.486	1.515.370.965	(17.478.880.553)	(7.375.263.102)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(1.547.919.568)	(1.547.919.568)
Số cuối năm	876.544.270.000	748.683.126.824	(9.825.117.611)	84.094.655.341	4.502.976.820	215.036.358.689	1.919.036.270.063

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 14/QĐ-HĐQT ngày 30 tháng 11 năm 2021, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 7.928.133 cổ phiếu để trả cổ tức tại mức 10% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông hiện hữu của Công ty.

Theo đó, vốn cổ phần đăng ký của Công ty tăng từ 797.262.940.000 VND lên 876.544.270.000 VND theo GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 14 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 12 năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	797.262.940.000	690.866.880.000
Phát hành cổ phiếu mới	79.281.330.000	106.396.060.000
Số cuối năm	<u>876.544.270.000</u>	<u>797.262.940.000</u>
Cổ tức công bố	80.781.330.000	106.396.060.000
Cổ tức đã trả bằng tiền	79.664.345	34.202.560.650
Cổ tức đã trả bằng cổ phiếu	79.281.330.000	106.396.060.000

24.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Cổ phiếu đã được duyệt	87.654.427	876.544.270.000	79.726.294	797.262.940.000
Cổ phiếu đã phát hành				
<i>Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>				
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	87.654.427	876.544.270.000	79.726.294	797.262.940.000
Cổ phiếu quỹ				
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	440.360	9.825.117.611	440.360	9.825.117.611
Cổ phiếu đang lưu hành				
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	87.214.067	866.719.152.389	79.285.934	787.437.822.389

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty được quyền hưởng cổ tức do Nhóm Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.4 Lãi trên cổ phiếu

Lợi nhuận và số cổ phiếu được sử dụng trong tính toán lãi cơ bản và suy giảm trên mỗi cổ phiếu được trình bày như sau:

	Năm nay	Năm trước (Điều chỉnh lại)
Lợi nhuận sau thuế (VND)	136.067.558.148	141.457.510.417
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	<u>(7.375.263.102)</u>	<u>(7.375.263.102)</u>
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	128.692.295.046	134.082.247.315
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân (cổ phiếu)	<u>87.214.067</u>	<u>87.214.067</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	1.476	1.537
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	1.476	1.537

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính này để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 28 tháng 4 năm 2021.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2021 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho kỳ hiện tại.

(**) Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông cho năm 2020 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 để phản ánh việc phát hành cổ phiếu từ nguồn chia cổ tức bằng cổ phiếu đã thực hiện trong năm 2021.

24.5. Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát

	IC	SGBD	Royal	VND Tổng cộng
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021				
Vốn cổ phần	6.000.000.000	107.040.000.000	50.000.000.000	163.040.000.000
Quỹ đầu tư và phát triển	675.446.523	-	-	675.446.523
Vốn khác của chủ sở hữu	675.446.523	-	-	675.446.523
Lỗi lũy kế	<u>(3.793.988.332)</u>	<u>(5.740.383.235)</u>	<u>(2.411.293.301)</u>	<u>(11.945.664.868)</u>
TỔNG CỘNG	<u>3.556.904.714</u>	<u>101.299.616.765</u>	<u>47.588.706.699</u>	<u>152.445.228.178</u>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021				
Phần lợi nhuận (lỗ) trong năm	<u>1.666.670.013</u>	<u>(128.916.061)</u>	<u>920.488.448</u>	<u>2.458.242.400</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. DOANH THU

25.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu	<u>723.956.465.138</u>	<u>925.847.655.485</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán bất động sản</i>	562.609.690.687	729.344.642.677
<i>Doanh thu dịch vụ khách sạn</i>	63.824.407.729	32.179.307.161
<i>Doanh thu hợp đồng xây dựng</i>	49.407.171.766	124.980.822.848
<i>Doanh thu cho thuê</i>	35.484.504.614	32.116.272.137
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ khác</i>	12.630.690.342	7.226.610.662
Trừ	<u>(5.916.972.600)</u>	<u>(4.314.570.952)</u>
Giảm giá cho thuê	(5.916.972.600)	(4.314.570.952)
Doanh thu thuần	<u>718.039.492.538</u>	<u>921.533.084.533</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán bất động sản</i>	562.609.690.687	729.344.642.677
<i>Doanh thu dịch vụ khách sạn</i>	63.824.407.729	32.179.307.161
<i>Doanh thu hợp đồng xây dựng</i>	49.407.171.766	124.980.822.848
<i>Doanh thu cho thuê (Thuyết minh số 13)</i>	29.567.532.014	27.801.701.185
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ khác</i>	12.630.690.342	7.226.610.662

25.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập tiền lãi	1.824.608.297	2.588.394.911
Khác	25.818.233	113.624.327
TỔNG CỘNG	<u>1.850.426.530</u>	<u>2.702.019.238</u>

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán bất động sản	299.573.361.360	452.034.993.295
Giá vốn cung cấp dịch vụ khách sạn	58.525.972.728	40.310.470.452
Giá vốn cung cấp dịch vụ xây dựng	47.236.236.234	94.483.111.534
Giá vốn cung cấp dịch vụ cho thuê	40.878.171.987	29.464.600.462
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	4.377.404.619	5.900.545.997
TỔNG CỘNG	<u>450.591.146.928</u>	<u>622.193.721.740</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	57.654.903.394	30.731.038.758
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(8.925.000.000)	-
Khác	7.159.580	2.889.380
TỔNG CỘNG	<u>48.737.062.974</u>	<u>30.733.928.138</u>

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	9.386.899.219	16.840.573.165
Chi phí hoa hồng bán hàng	7.372.544.293	15.374.898.753
Chi phí khác	2.014.354.926	1.465.674.412
Chi phí quản lý doanh nghiệp	68.858.090.408	39.279.769.857
Chi phí lương nhân viên	33.109.598.797	23.662.275.618
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.525.618.709	12.461.632.195
Chi phí khác	10.450.988.755	5.372.027.056
Chi phí khấu hao	3.483.028.734	1.493.834.988
Dự phòng (hoàn nhập) phải thu khó đòi	2.288.855.413	(3.710.000.000)
TỔNG CỘNG	<u>78.244.989.627</u>	<u>56.120.343.022</u>

29. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	37.485.069.346	16.838.719.831
Bồi thường dự án Bình Trưng Đông	25.690.859.782	-
Phạt vi phạm hợp đồng	5.244.163.843	2.161.232.850
Doanh thu điện nước	3.430.500.262	13.032.919.681
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	917.736.099	1.611.886.026
Thu nhập khác	2.201.809.360	32.681.274
Chi phí khác	(3.439.103.986)	(52.136.942.195)
Chi phí điện nước	(1.543.489.140)	(12.524.015.092)
Phạt thuế	(18.466.290)	(37.464.837.366)
Chi phí khác	(1.877.148.556)	(2.148.089.737)
LÃI (LỖ) THUẬN KHÁC	<u>34.045.965.360</u>	<u>(35.298.222.364)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí phát triển dự án bất động sản	299.573.361.360	452.034.993.295
Chi phí dịch vụ mua ngoài	83.662.977.838	125.927.400.162
Chi phí lương nhân viên	42.316.220.982	30.692.872.325
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 11, 12 và 13)	43.114.498.474	28.598.995.411
Chi phí hoa hồng bán hàng	7.372.544.293	15.374.898.753
Chi phí khác	52.796.533.608	25.684.904.816
TỔNG CỘNG	<u>528.836.136.555</u>	<u>678.314.064.762</u>

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

31.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	34.210.058.047	44.643.658.349
Điều chỉnh do trích thiếu thuế của năm trước	-	1.507.178.809
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	3.451.042.473	(2.569.674.197)
TỔNG CỘNG	<u>37.661.100.520</u>	<u>43.581.162.961</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>176.186.901.068</u>	<u>179.746.613.834</u>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	35.237.380.214	34.044.693.743
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	3.672.091.019	4.823.497.357
Phần lỗ trong công ty liên kết	35.156.766	28.454.935
Điều chỉnh do trích thiếu thuế của năm trước	-	1.507.178.809
Lỗ tính thuế chưa ghi nhận thuế hoãn lại	380.144.154	2.987.769.666
Khác	(1.643.671.633)	189.568.451
Chi phí thuế TNDN	<u>37.661.100.520</u>	<u>43.581.162.961</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với thu nhập được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

31.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong năm này và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	17.476.963.087	20.919.298.560	(3.442.335.473)	2.565.199.597
Trợ cấp thôi việc phải trả	186.368.000	195.075.000	(8.707.000)	4.474.600
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	17.663.331.087	21.114.373.560		
(Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại			(3.451.042.473)	2.569.674.197

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Bà Lê Thị Trâm Anh	Bên liên quan	Trả nợ vay	18.250.000.000	2.800.000.000
		Vay	10.000.000.000	7.500.000.000
		Lãi vay	2.560.684.932	2.266.476.162
		Ứng tiền mua căn hộ	-	48.978.000.000
Công ty Cổ phần Thiết kế Kiến trúc Tương lai	Cổ đông lớn	Mua công cụ, dụng cụ	8.994.128.000	-
Bà Trương Thị Minh Nguyệt	Bên liên quan	Lãi vay	865.632.876	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Khang Nam	Bên liên quan	Chi hộ	534.922.550	2.313.996.661
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Bắc Trung Nam	Bên liên quan	Doanh thu cho thuê nhà	202.870.908	-
Ông Trương Minh Đạt	Bên liên quan	Ứng tiền mua căn hộ	-	18.185.000.000
Cá nhân	Thành viên Hội đồng quản trị	Tạm ứng	-	2.200.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Bà Lê Thị Trâm Anh	Bên liên quan	Mua đất	<u>4.101.231.043</u>	<u>4.101.231.043</u>
Phải thu cho vay ngắn hạn				
Bà Trương Minh Nguyệt	Bên liên quan	Vay	<u>33.400.000.000</u>	<u>46.400.000.000</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Thiết kế Kiến trúc Tương lai	Cổ đông lớn	Chi phí thiết kế	35.694.895.750	35.906.853.086
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Xây dựng Long Bình	Công ty liên kết	Chi phí đền bù	11.000.000.000	11.000.000.000
			<u>46.694.895.750</u>	<u>46.906.853.086</u>
Phải thu ngắn hạn khác				
Thành viên Hội đồng quản trị	Tổng Giám Đốc	Tạm ứng	56.850.000.000	59.050.000.000
Bà Trương Minh Nguyệt	Bên liên quan	Lãi cho vay	4.280.202.744	3.057.030.140
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Khang Nam	Bên liên quan	Chi hộ	<u>254.231.099</u>	<u>1.853.306.904</u>
			<u>61.384.433.843</u>	<u>63.960.337.044</u>
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Thiết kế Kiến trúc Tương lai	Cổ đông lớn	Chi phí thiết kế	-	1.560.654.545
Công ty Cổ Phần Đầu tư Địa ốc Khang Nam	Bên liên quan	Chi phí thuê và chi phí tiện ích	-	<u>326.863.900</u>
			-	<u>1.887.518.445</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:
(tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Người mua trả tiền trước				
Bà Lê Thị Trâm Anh	Bên liên quan	Mua căn hộ	61.978.000.000	61.978.000.000
Ông Trương Minh Đạt	Bên liên quan	Mua căn hộ	18.185.000.000	18.185.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư địa ốc An Khang	Bên liên quan	Ứng trước tiền cung cấp dịch vụ	14.300.000.000	14.300.000.000
			94.463.000.000	94.463.000.000
Vay ngắn hạn				
Bà Lê Thị Trâm Anh	Bên liên quan	Vay	43.700.000.000	43.700.000.000
Công ty Cổ phần Thiết kế Kiến trúc Tương lai	Cổ đông lớn	Vay	-	3.500.000.000
			43.700.000.000	47.200.000.000
Chi phí trích trước ngắn hạn				
Bà Lê Thị Trâm Anh	Bên liên quan	Chi phí lãi vay	747.639.825	1.063.822.670

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Ông Trương Minh Thuận	1.487.375.000	1.154.342.000
Bà Phạm Thị Phương Thảo	302.160.000	-
Ông Vũ Văn Châu	273.939.409	-
Ông Nguyễn Mạnh	240.000.000	192.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu	294.416.000	-
Ông Trần Hữu Khánh	144.000.000	144.000.000
Bà Nguyễn Kim Hậu	144.000.000	72.000.000
Tổng Công ty Địa Ốc Sài Gòn - TNHH MTV	161.716.822	290.078.291
Bà Đặng Thị Ngọc Tuyền	48.000.000	144.000.000
Ông Âu Chí Nhân	36.000.000	-
Ông Nguyễn Hiền Triết	36.000.000	-
Ông Phan Văn Chiến	36.000.000	-
TỔNG CỘNG	<u>3.203.607.231</u>	<u>1.996.420.291</u>

33. CAM KẾT LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHI PHÍ ĐẦU TƯ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Nhóm Công ty có khoản cam kết với số tiền là 327.857.688.407 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 487.683.119.447 VND) liên quan đến chi phí phát triển các dự án bất động sản đang xây dựng dở dang.

34. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Đại dịch Covid-19

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Nhóm Công ty đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, và đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này.

34. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Phạm Văn Khanh
Người lập



Đoàn Hữu Chí
Kế toán trưởng



Trương Minh Thuận
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2022